

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-PT

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v: *Tranh chấp đòi đất cho mượn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU  
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Minh Thu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:* Bà Huỳnh Thị Hồng Thu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLPT-DS ngày 20/10/2021 về việc “*Tranh chấp đòi đất cho mượn*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2021/DSST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2021/QĐ-PT ngày 15/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh C, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2019) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Thị trấn R, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông D, Chủ tịch. (có đơn đề nghị vắng mặt)

3.2 Bà E, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà E:* Anh C, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020) (có mặt).

3.3 Bà F, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.4 Anh C, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.5 Chị G, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị vắng mặt).

3.6 Anh H, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị vắng mặt).

3.7 Chị I, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.8 Chị J, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện U, tỉnh Hậu Giang.

3.9 Chị K, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 18, xã V, huyện W, tỉnh Cà Mau.

4. *Người kháng cáo:* Ông B là bị đơn và bà F là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông A, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E và anh C trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018 và đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp 37,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu và phần đất ông A và anh B đang sử dụng là của cha mẹ ông A là ông L và bà A1 tự khai phá, sử dụng. Đến năm 1980 thì cha mẹ cho ông A và đến năm 1996 ông A được Ủy ban nhân huyện R (nay là Ủy ban nhân dân huyện O), cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/1996, thửa đất số 963 và 122, tờ bản đồ số 06, diện tích 20.200m<sup>2</sup>. Gia đình ông A sử dụng đất đến năm 2002 thì diện tích đất tranh chấp 37,4m<sup>2</sup> có cho vợ chồng ông B và bà F mượn đất (chiều ngang 04m, chiều dài 9m) để cất quán bán tạp hóa, (mẹ bà F là chị em họ hàng với ông A). Lý do cho mượn là, năm 2000 Nhà nước cất lộ ngang đất và trải nhựa xong năm 2002 nên có điều kiện buôn bán. Năm 2003 gia đình ông A có khoan đất đổ lên đất tranh chấp cho bằng phẳng và đến tháng 01/2005 ông B và bà F mới cất quán bằng cây lá để bán tạp hóa, nhưng đến năm 2008 thì quán sập và làm chuồng nuôi heo chiều ngang 1,8m chiều dài 04m và làm xong mới phát hiện. Đến năm 2017, ông A làm thủ tục tặng cho đất con là anh B, đo đất lại thì phát hiện ông B cắm ranh lấn chiếm luôn phần đất cho mượn, nên yêu cầu ông B và bà F trả lại đất nhưng ông B và bà F không đồng ý. Nay ông A yêu cầu ông B trả diện tích đất cho mượn theo đo đạc thực tế

37,4m<sup>2</sup>; đồng ý trả tiền công gìn giữ, tôn tạo đất là 2.000.000 đồng; đồng ý trả giá trị chuồng heo trên đất theo định giá là 3.000.000 đồng.

Ông B có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đối với diện tích đất tranh chấp, thì ông A không đồng ý.

*Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông B và bà F là người đại diện theo ủy quyền tại cấp sơ thẩm, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp và phần đất gia đình ông B và bà F đang sử dụng là chuyển nhượng từ ông B2 vào năm 1998 với giá 20 chỉ vàng 24k. Khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay có nhân chứng là A và C2 và Trưởng ấp D2 chứng kiến ký tên, nhưng phần đất tranh chấp lúc đó là đường nước, chỉ thỏa thuận miệng không ghi vào giấy chuyển nhượng. Diện tích đất tranh chấp năm 2003 ông B có thuê máy khoan của ông A khoan đất đổ cho bằng phẳng, sau đó tiếp tục thuê ông F2, ông E2 khoan đất đổ lên cho bằng phẳng để làm chuồng nuôi heo. Phần đất tranh chấp ông B và bà F không mượn của ông A, nên không đồng ý trả đất; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đối với phần đất tranh chấp để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Hiện nay vợ chồng ông B2 và bà G1 đã chết; trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông B và bà F cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất (giấy sang nhượng đất) ngày 09/5/1998 với ông B2; yêu cầu ông A trả công sức bồi đắp cải tạo, gìn giữ làm tăng giá trị đất là 20.000.000 đồng và trả giá trị chuồng heo đã định giá là 3.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu trình bày:* Phần đất tranh chấp diện tích 37,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là Ủy ban nhân dân huyện O) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A ngày 29/01/1996. Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Về yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B và bà F đối với diện tích đất tranh chấp thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm K, I, G, H, J thống nhất trình bày:* Chúng tôi là con của ông B2 (chết năm 2015) và bà G1 (chết năm 2007). Ông B2 và bà G1 có 06 người con gồm H1 (chết cách nay 20 năm), G, K, I, H, J; không hiểu biết phần đất tranh chấp giữa ông A với bà F và ông B là của ai; trường hợp Tòa án giải quyết xác định đất tranh chấp của ông B2 chuyển nhượng cho bà F thì cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà F.

Buộc ông B và bà F trả cho ông A, bà E diện tích đất 37,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ nhựa có số đo 4m.
- Hướng Tây giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 4m.
- Hướng Nam giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 9,3m.
- Hướng Bắc giáp đất ông B có số đo 9,5m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là phần không thể tách rời của bản án).

2. Buộc ông A và bà E trả cho ông B và bà F số tiền 2.000.000 đồng.

- Buộc ông A và bà E trả cho ông B và bà F giá trị cái chuồng heo là 3.000.000 đồng.

- Ông A và bà E được quyền quản lý, sử dụng cái chuồng heo chiều dài 4m, chiều ngang 1,8m.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đối với diện tích đất 37,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận yêu cầu ông B về việc yêu cầu ông A trả công bồi đắp, gìn giữ, cải tạo đất số tiền 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo và áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 21/7/2021 ông B và bà F kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, vì đất tranh chấp ông B và bà F chuyển nhượng của ông B2 năm 1998, cải tạo sử dụng trên 20 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B yêu cầu trả công cải tạo, gìn giữ đất là 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án Tòa án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của ông B và bà F, đề nghị sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, vì đất tranh chấp ông B và bà F chuyển nhượng của ông B2 năm 1998, cải tạo sử dụng trên 20 năm; tại phiên tòa phúc thẩm ông B yêu cầu trả công cải tạo, gìn giữ đất là 10.000.000 đồng. Xét thấy, anh C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý hỗ trợ công cải tạo, gìn giữ đất là 10.000.000 đồng, chỉ đồng ý số tiền 2.000.000 đồng như tại cấp sơ thẩm. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp ông B và bà F cho rằng chuyển nhượng của ông B2, nhưng giấy chuyển nhượng không thể hiện, ông B và bà F cũng không đăng ký kê khai được cấp quyền sử dụng mà đất hiện do ông A được cấp quyền sử dụng đất từ năm

1996. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà F, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

## XÉT THẤY

*Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, chị G, anh H, chị I, chị J và chị K vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông A, bà E vắng mặt có ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2019 và trích đo đất tranh chấp (bút lục 60, 71), có diện tích 37,4m<sup>2</sup> vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ nhựa có số đo 4m.
- Hướng Tây giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 4m.
- Hướng Nam giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 9,3m.
- Hướng Bắc giáp đất ông B có số đo 9,5m.

Hiện trạng trên đất tranh chấp có một chuồng nuôi heo chiều dài 4m, chiều ngang 1,8m của ông B và bà F.

Diện tích đất trên cơ quan chuyên môn xác định là thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996.

[3] Ông B và bà F kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông A yêu cầu ông B và bà F trả đất tranh chấp diện tích 37,4m<sup>2</sup>; xác định đất tranh chấp do chuyển nhượng của ông B2 ngày 09/5/1998. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B yêu cầu hoàn trả tiền gìn giữ, cải tạo đất là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại cấp sơ thẩm bà F xác định đất tranh chấp do chuyển nhượng của ông B2 ngày 09/5/1998, nhưng chỉ thỏa thuận miệng (bút lục 91, 101, 242). Nội dung Giấy nhượng đất ngày 09/5/1998 cũng chỉ có nội dung B2 nhượng bốn công đất giá một công là năm chỉ vàng 24K cho F, không nêu vị trí, số đo các cạnh. Các nhân chứng hiểu biết chứng kiến ký tên tại giấy chuyển nhượng là ông C2, A và ông D2. Xét thấy, ông B2 đã chết từ năm 2015, các con ông B2 không hiểu biết về đất tranh chấp; ông A không thừa nhận còn kiện đòi đất cho mượn đối với ông B; biên bản ngày 26/8/2020 (bút lục 125-126) ông C2 xác định: “*nguồn gốc đất tranh chấp là của ông L và bà A1 (cha mẹ ông A), năm 1998 ông có ký tên vào giấy sang nhượng đất với nội*

*dung ông B2 chuyển nhượng cho bà F 04 công đất, không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận, bà F viết xong rồi đem đến nhà nhờ ông ký tên...”; biên bản ngày 26/8/2020 (bút lục 127-128) ông D2 xác định: “Thời điểm năm 1998 ông có ký tên vào giấy sang nhượng đất giữa ông B2 với bà F nhưng không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận mà do bà F đem đến nhà nhờ ông ký xác nhận, ông không biết vị trí đất hai bên chuyển nhượng như thế nào; khi ông ký tên thì các bên và người làm chứng đã ký trước...Phần đất tranh chấp giữa ông A với ông B có nguồn gốc là của ông L và bà A1, thời điểm năm 1992 đến năm 2000 ông làm trưởng ấp P thấy ông A sử dụng phần đất tranh chấp để trồng cây.”. Như vậy, nhân chứng ông B cung cấp không ai chứng kiến hiểu biết việc ông B và bà F chuyển nhượng đất của ông B1. Ngoài ra, bà F còn cung cấp nhân chứng là bà I1, cho rằng biết rõ nguồn gốc phần đất tranh chấp. Tại Biên bản xác minh ngày 29/12/2020 (bút lục 165) bà I1 xác định bà không biết nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông A với ông B, bà F là của ai. Diện tích đất tranh chấp, tại Công văn số 2475/UBND ngày 31/8/2020 (bút lục 143) Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu xác định đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/1996 cho ông A; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.*

Do vậy, ông B và bà F không chứng minh được phần đất tranh chấp là của ông bà, thực tế cũng không đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất, mà đất là thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B, bà F là có căn cứ.

[4] Việc ông Dũng tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu trả công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất bằng số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy, ông B cho rằng năm 2003 thuê ông A khoan đất đổ lên đất tranh chấp, nhưng ông A không thừa nhận. Ông B còn xác định thuê ông P1, ông E2 khoan đất đổ lên đất tranh chấp. Ông P2 có xác định ông A có thuê ông khoan đất đổ đất nền để nuôi heo nhưng không nhớ năm nào và không có số tiền cụ thể bao nhiêu (bút lục 117). Ông E1 thì xác định ông B chỉ thuê ông khoan đất đổ lên phần đất nền nhà gia đình ông B đang ở hiện nay, không có thuê đổ lên phần đất tranh chấp (bút lục 163). Như vậy, ông B và bà F cũng không chứng minh được chi phí yêu cầu ông A trả công bồi đắp, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất 20.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của ông A trả 2.000.000 đồng công sức bồi đắp, gìn giữ đất cho ông B, bà F ghi nhận và buộc trả số tiền 2.000.000 đồng, không chấp nhận số tiền 18.000.000 đồng là có cơ sở, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông D bà F phải nộp 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà F và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 165, 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà F.

Buộc ông B và bà F trả cho ông A, bà E diện tích đất 37,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ nhựa có số đo 4m.
- Hướng Tây giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 4m.
- Hướng Nam giáp đất anh C (con ông A) sử dụng có số đo 9,3m.
- Hướng Bắc giáp đất ông B có số đo 9,5m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là phần không thể tách rời của bản án).

2. Buộc ông A và bà E trả cho ông B và bà F số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Buộc ông A và bà E trả cho ông B và bà F giá trị cái chuồng heo là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ông A và bà F được quyền quản lý, sử dụng cái chuồng heo chiều dài 4m, chiều ngang 1,8m.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông B về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đối với diện tích đất 37,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 963, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đứng tên cấp ngày 29/01/1996, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận yêu cầu ông B về việc yêu cầu ông A trả công sức bồi đắp, gìn giữ, cải tạo đất số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 550.000 đồng ông A đã nộp xong. Buộc ông B phải nộp số tiền 550.000 đồng để trả lại cho ông A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 5. Về án phí:

Ông A không phải chịu án phí. Ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011931 ngày 15/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được nhận lại số tiền 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông B và bà F phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng; do ông B là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên ông B được miễn án phí; buộc bà F phải chịu án phí số tiền 150.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm ông O và bà F phải nộp 300.000 đồng. (Ba trăm nghìn đồng), đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001740 ngày 21/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận***

- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện O;
- CC THADS O;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**





**hành viên Hội đồng xét xử**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**